

Thuận lợi và thách thức của giáo dục đại học trong thời kỳ chuyển đổi số

Nguyễn Thị Bích Hưng*

*Th.S.GV, Khoa Văn hoá du lịch và Công tác xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp

Received: 29/4/2024; Accepted: 4/5/2024; Published: 14/5/2024

Abstract: Digital transformation in education is the process of integrating digital technology and the internet into the education system to improve the quality of teaching, requiring schools, teachers and learners to update teaching methods combining the use of advanced learning support devices, innovating ways of implementing learning and assessment activities in all aspects. Based on the analysis of challenges in applying digital technology to teaching activities, the author will also propose some solutions to improve the quality of education and training in the context of digital transformation in universities

Keywords: Digital transformation, education, university

1. Đặt vấn đề

Sự bùng nổ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ 4 đã giúp quá trình vận hành của tất cả các ngành nghề trên thế giới đều thay đổi. Lịch sử loài người ghi nhận những thay đổi không ngừng về số lượng và chất lượng của tất cả các mặt của xã hội. Cùng với dòng chảy đó, quá trình chuyển đổi số (CDS) trong giáo dục (GD) trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng đã mở rộng thêm nhiều phương thức giảng dạy, phương pháp giảng dạy và quá trình quản lý, đánh giá cũng ngày càng được hoàn thiện. Những yếu tố trong GD đòi hỏi được thay đổi, phát triển để phù hợp với thời kỳ mới. Quá trình CDS đã giúp toàn hệ thống GD quản lý chặt chẽ hơn về nhân lực, về sự công bằng, khách quan trong đánh giá chất lượng đào tạo của nhà trường, chất lượng giảng dạy của giáo viên, kết quả học tập của người học. Hơn thế, việc áp dụng khoa học kỹ thuật còn giúp cho tất cả công dân đều có cơ hội học tập, và đặc biệt là khả năng học tập suốt đời của mỗi cá nhân.

2. Nội dung nghiên cứu

CDS trong GD là việc ứng dụng các giải pháp công nghệ trong quản lý, giảng dạy nhằm nâng cao hiệu quả của công tác GD. Các hoạt động trong nhà trường có thể sử dụng những ứng dụng của công nghệ thông tin (CNTT) như quản lý công việc của giảng viên (GV), nhân viên trong trường bằng các ứng dụng chuyên biệt. Dạy, học, kiểm tra, đánh giá người học theo hệ thống trên một nền tảng công nghệ số. Quản lý thông tin, hồ sơ của người học thông qua phần mềm. Xây dựng thư viện số, học liệu mở. Quá trình CDS trong GD mang đến nhiều thuận lợi cũng như nhiều thách thức, đòi hỏi nhà quản lý, GV và

sinh viên (SV) phải thích ứng.

2.1. Những thuận lợi và khó khăn của quá trình CDS trong GD

Ứng dụng công nghệ trong nhà trường đang mang lại rất nhiều tiện ích trong các hoạt động liên quan đến quản lý, giảng dạy và học tập. Một trong những tác động tích cực nhất là mở rộng phương thức giảng dạy. Thay vì phải đến trường học trực tiếp trên giảng đường, ngày nay, người dạy và người học có thể làm việc, tương tác cùng nhau trong môi trường đa dạng hơn, các hình thức đào tạo cũng đa dạng hơn như Đào tạo từ xa, đào tạo trực tuyến. Theo đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và CDS trong GD và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” đã đưa ra mục tiêu đến năm 2025 có hơn 50% cơ sở GD đại học cũng cấp các CTĐT hình thức từ xa, trực tuyến. Do đó, các trường Đại học (ĐH) đã đưa ra rất nhiều ngành học với 2 hình thức này đồng nghĩa với việc mở rộng cơ hội học tập cho rất nhiều người trong xã hội, cơ hội được mở rộng ra cho những người đã đi làm, không có nhiều thời gian học tập trung những vẫn có nhu cầu được tiếp tục theo học nâng cao chuyên môn hoặc học tập, nghiên cứu một lĩnh vực mà bản thân quan tâm và yêu thích. Bên cạnh đó, người học cũng có thể chủ động lựa chọn chương trình học, cơ sở đào tạo mà không bị ràng buộc bởi khoảng cách địa lý. Không chỉ có người học có thêm cơ hội được học tập, nghiên cứu, các trường đào tạo cũng có thể mở rộng phạm vi tuyển sinh, không chỉ còn ở trong tỉnh, khu vực mà trên khắp cả nước, thậm chí mở rộng liên kết đến các nước trong khu vực và trên toàn thế giới. Đối với tổng thể trong hệ thống GD, việc các trường mở rộng được phạm

vi, đối tượng tuyển sinh cũng tăng cường tính cạnh tranh trong GD. Người học sẽ là người đánh giá toàn diện về những nội dung liên quan đến quá trình GD, về cách thức quản lý, CTĐT, hoạt động giảng dạy, cơ sở phục vụ đào tạo sẽ được phản hồi một cách đầy đủ và nhanh chóng. Vị thế và hình ảnh của các cơ sở đào tạo từ kênh phản hồi của người học cũng là một trong những hình thức đánh giá đáng được tham khảo nhất trong các hình thức đánh giá. Với sự hỗ trợ của các ứng dụng trong công nghệ, người dạy có thể làm phong phú quá trình dạy học, tăng khả năng tương tác và giúp người học hiểu sâu về nội dung bài học. Đồng thời, người dạy có thể nhanh chóng chuyển ý tưởng của bản thân sang nội dung mong muốn, điều này giúp người dạy có nhiều thời gian để đi sâu vào chuyên môn mong muốn, thiết kế bài giảng với hình thức bắt mắt hơn, cập nhật hơn. Không chỉ vậy, các ứng dụng công nghệ còn có thể hỗ trợ người dạy tạo ra các bài kiểm tra, gợi ý cách đánh giá và chấm điểm. Thông qua các bài kiểm tra, đánh giá thường xuyên và hệ thống phân tích của các ứng dụng giúp cho GV có thể theo dõi kết quả học tập của từng SV một cách dễ dàng và nhanh chóng hơn, phát hiện ra những vấn đề của SV kịp thời hơn, từ đó điều chỉnh phương pháp cho phù hợp với năng lực của người học hơn. Không chỉ mang lại thuận lợi cho người học và người dạy, CDS còn giúp việc quản lý của các trường ĐH trở nên dễ dàng, tự động hoá các quy trình thủ công như nhập học, cấp bằng, quản lý tài chính, điểm danh, giúp nhà trường giảm thiểu sai sót, tiết kiệm thời gian và chi phí, CDS còn giúp cho các trường đại học cung cấp thông tin công khai minh bạch đảm bảo chất lượng giáo dục và sử dụng hiệu quả nguồn lực công.

Bên cạnh những mặt tích cực, người dạy và người học cũng gặp những khó khăn nhất định. Nhiều GV có thể gặp khó khăn trong việc làm quen với các ứng dụng của CNTT, ứng dụng hỗ trợ công tác GD đào tạo và nghiên cứu có thể thay đổi hàng ngày, hàng giờ. Đòi hỏi quá trình không ngừng học tập, cập nhật những kiến thức mới để đáp ứng thời kỳ CDS. Đối với người dạy, giữa vô vàn ứng dụng hỗ trợ, GV cần biết công cụ nào thực sự cần thiết và phù hợp với lĩnh vực giảng dạy. Mỗi công cụ đều có những tiện ích nhất định, nhưng GV không thể sử dụng một cách dàn trải tất cả các ứng dụng. Không chỉ là việc lựa chọn ứng dụng, việc tạo ra các kho dữ liệu cũng là một thách thức cho các trường đại học và GV. Việc mở rộng hình thức đào tạo, đặc biệt là hình thức đào tạo từ xa, đòi hỏi người học dành nhiều thời gian

thích hợp của bản thân để tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của GV. Muốn thực hiện được điều này, đòi hỏi mỗi trường, mỗi người dạy phải tạo ra được nguồn cung cấp bài giảng, được cập nhật và bổ sung thường xuyên cho người học. Hiện nay, các nguồn tham khảo trên không gian mạng rất đa dạng và khó kiểm chứng thông tin, người học có thể dễ dàng tiếp cận với các nguồn tài liệu mở này, tuy nhiên tính khoa học và độ chính xác không được đảm bảo, dẫn tới những nhận định sai lệch. Bên cạnh đó, một số học liệu mở thường đòi hỏi đóng phí đã cản trở người dùng tiếp cận được với các nghiên cứu, tài liệu có độ tin cậy. Hệ thống cơ sở phục vụ cho hoạt động CDS cũng là một trong những hạn chế của quá trình ứng dụng CNTT vào giảng dạy. Người dạy không thể triển khai hoạt động tương tác trong môi trường thiếu kết nối internet hoặc thiếu đường truyền internet đủ mạnh để cùng lúc nhiều SV tham gia. Trước những giải pháp với hệ thống dạy học trực tuyến miễn phí các trường cũng phải đầu tư để xây dựng một hệ thống dạy học trực tuyến đủ để đảm bảo quá trình dạy học được thực hiện một cách có hiệu quả và bền vững.

2.2. Một số giải pháp nâng cao việc ứng dụng công nghệ số trong GD đại học

Trước biến đổi của khoa học công nghệ, ứng dụng các công cụ hỗ trợ là một phần tất yếu của tất cả các ngành nghề, lĩnh vực GD không thể nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng của xu thế công nghệ. Các trường đại học phải đi tiên phong trong lĩnh vực công nghệ số, đảm bảo đào tạo ra những lao động có chất lượng cho xã hội. Để tạo ra sự chuyển biến phù hợp trong môi trường GD, người quản lý, GV, người học cần nhận thức tầm quan trọng của khoa học công nghệ và sẵn sàng ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý, giảng dạy, nghiên cứu và học tập. Tạo ra được sự đồng bộ và thống nhất trong toàn hệ thống nhà trường. Để tạo được sự chuyển biến đòi hỏi chiến lược về công nghệ số của từng trường đại học, tùy vào khả năng để có thể đầu tư cơ sở hạ tầng thích hợp với điều kiện. Có thể có chiến lược dài hạn và cụ thể từng giai đoạn để hội nhập với thời kỳ CDS. Đồng thời cung cấp các khoá tập huấn, tạo điều kiện để GV tham gia các khoá tập huấn về ứng dụng CNTT trong giảng dạy và nghiên cứu.

Đưa ra các mục tiêu về ứng dụng CNTT cho từng ngành nghề thích hợp và coi đó như là một nhiệm vụ cần thiết của GV trong hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường sự tương tác của SV với GV thông qua các công cụ hỗ trợ được thể hiện qua

đề cương chi tiết từng môn học và kế hoạch giảng dạy của từng học phần. Như vậy, trong mỗi đề cương chi tiết phải đảm bảo được ít nhất một ứng dụng hỗ trợ giảng dạy và học tập, hoặc đánh giá, phản hồi của GV và SV. Việc cụ thể hoá mục tiêu sử dụng các ứng dụng số trong giảng dạy sẽ thúc đẩy GV tìm tòi và nghiên cứu những ứng dụng phù hợp với môn học thầy/cô phụ trách, tăng sự thích thú và hiệu quả giảng dạy. Quá trình sử dụng các ứng dụng vào giảng dạy, kiểm tra, đánh giá cũng cần nhận được sự phản hồi của người học. Từ những phản hồi này, GV sẽ tiếp tục cập nhật phương pháp cho phù hợp với từng đối tượng, từng người học. Đảm bảo quá trình dạy học được thuận lợi và hiệu quả.

Bên cạnh việc sử dụng các ứng dụng công nghệ số, nhà quản lý các trường đại học cũng cần chú trọng đến chính sách khuyến khích GV tạo ra các kho học liệu cho từng ngành trong CTĐT, để được đồng bộ và có chất lượng, đòi hỏi nhà trường cung cấp những thiết bị cần thiết để ghi âm, ghi hình, những khoá tập huấn về việc sử dụng các thiết bị để tạo bài giảng sử dụng trong việc đào tạo. Việc tạo ra những nguồn học liệu chung giữa các trường cũng có thể được xem xét để tạo ra sự thống nhất về nội dung, nhưng cũng đòi hỏi những quy định cụ thể đảm bảo tới quyền sở hữu trí tuệ cũng như vấn đề an ninh mạng. Việc xây dựng kho học liệu chung làm tăng sự đa dạng của nguồn tài liệu tham khảo mở cho người học, đáp ứng mục tiêu học tập suốt đời cho tất cả mọi người có nhu cầu học tập, nghiên cứu. Bên cạnh đó, các trường đại học cũng cần phát triển hệ thống phòng học có sự tương tác thông minh, phòng thí nghiệm thực hành ứng dụng được thực tế ảo. Khai thác các ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong việc giảng dạy, nghiên cứu. Đẩy mạnh việc sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong việc cung cấp các dịch vụ, hỗ trợ người học thông qua các hình thức trợ lý ảo hoặc trả lời tự động những nội dung liên quan đến công tác tuyển sinh, chế độ khuyến khích học tập, các chính sách hỗ trợ của nhà trường và các nội dung thường được SV quan tâm.

Không chỉ ứng dụng các sản phẩm của CNTT, các trường đại học cũng cần đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển công nghệ thông qua việc thành lập các trung tâm nghiên cứu và phát triển trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ, tùy đặc thù của từng trường, từng vùng. Những ứng dụng có tính thiết thực không chỉ là động lực cho các trường thấy được sản phẩm của mình mà còn góp phần phát triển kinh tế của địa phương, của đất nước gắn với đặc thù vùng miền,

quá trình này có thể kết hợp với các doanh nghiệp và tổ chức xã hội để chuyển giao công nghệ và thương mại hoá kết quả nghiên cứu. Thông qua các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao, các trường đại học vừa có thể nâng cao vai trò của mình trong khu vực, vừa tạo điều kiện cho SV tham gia vào các dự án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao. Quá trình học hỏi từ thực tế, giúp cho SV tăng thêm hứng thú, đồng thời hiểu rõ được ngành nghề mình theo học.

3. Kết luận

Trong thời đại số hoá ngày nay, CDS trong GD là quan trọng và cần thiết. Nó mang lại nhiều cơ hội và đặt ra nhiều thách thức cho các trường đại học. Nhưng để nâng cao chất lượng và mở rộng khả năng tiếp cận GD các trường cần phải thực hiện đồng bộ quá trình CDS trong công tác quản lý, giảng dạy. Sử dụng các ứng dụng một cách hợp lý để tối ưu hoá các hoạt động của nhà trường. Không chỉ vậy, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào giáo dục là một xu hướng tất yếu phù hợp với nền kinh tế số. Mục tiêu cuối cùng của quá trình CDS trong GD đại học là tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học, giúp người học tăng khả năng học tập ở mọi lúc, mọi nơi và có thể đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời cho tất cả mọi người bởi công nghệ phát triển không ngừng, việc tích hợp nó vào giáo dục sẽ tạo cho SV thói quen làm quen và sử dụng công nghệ, giúp họ không bị tụt hậu trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Chính phủ (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình CDS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*.
- [2]. Chính phủ (2021). *Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 phê duyệt “Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030”*.
- [3]. Nguyễn Huy Dũng (2024), *CDS trong các cơ sở GD đại học và ở khoa GD, Trường Đại học Sài Gòn*, Tạp chí Thiết bị GD, (Số 304, 1/2024), Tr 87-89
- [4]. Nguyễn Thị Lan Quyên, Nguyễn Thái Dur (2023), *Tăng cường kỹ năng CDS và tài nguyên GD mở trong giảng dạy*, Tạp chí Thiết bị GD, (số 301, 11/2023), Tr 28-30.
- [5]. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Hoàng Sỹ Trương (2021), *Đề xuất mô hình đại học 4.0 đáp ứng xu thế phát triển của cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Tạp chí Giáo dục, số 494 (Kì 2-1/2021), tr 1-5